

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

---***---

Án số: 47/2019/HS-ST

Ngày 31/7/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.*

** Các hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Hoa.*

2, Ông Lê Đình Cự.

** Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/HSST-QĐ ngày 17/7/2019 đối với các bị cáo:

1, Phạm Xuân C, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1988.

Sinh quán: xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959.

Vợ Hà Thị Thu N, sinh năm 1993.

Con: có 01 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử 30 tháng tù treo về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong thời gian thử thách, xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng không thể hiện C phải nộp 50.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 19/4/2012, bị Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Không mang theo giấy tờ tùy thân”. Ngày

12/9/2013, bị Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đã chấp hành xong ngày 01/9/2014.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện bị cáo tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

2, Nguyễn Mộng Ch, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1993.

Sinh quán: xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Mộng T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Vợ: Phạm Thị Ánh T3, sinh năm 1995.

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017; con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện bị cáo tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

3, Nguyễn Trọng C1, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1982.

Sinh quán: xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Trọng N (đã chết) và bà Đặng Thị V, sinh năm 1958.

Vợ: Trần Thị L, sinh năm: 1986 (đang sống ly thân).

Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007; con nhỏ sinh năm 2009.

Nhân thân: - Ngày 02/8/2009, bị Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện thành phố Thái Bình, đã chấp hành xong ngày 05/10/2010.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2019 đến 11/4/2019 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 22/5/2019 bị cáo có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng và bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, ra Lệnh tạm giam do vi phạm nghĩa vụ cam.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng từ ngày 22/5/2019, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

4, Nguyễn Xuân T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1991.

Sinh quán: xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971.

Vợ con: Chưa có.

Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 22/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện bị cáo tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

5, Nguyễn Văn D, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1995.

Sinh quán: xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 (**đã chết**) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Vợ con: Chưa có.

Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ năm 2013 đến 2014 tham gia quân đội đóng quân tại Trường sỹ quan pháo binh Sơn Tây, sau xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện bị cáo tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1, Anh Phạm Văn H, sinh năm 2000 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Tiền, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2, Anh Đào Duy T1, sinh năm 1998 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn An T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

3, Anh Trần Xuân H1, sinh ngày 05/11/2002

Người đại diện hợp pháp cho anh Trần Xuân : Bà Trần Thị H2, sinh năm 1972

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh H1 và bà H2 có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Phạm Thị Ánh T3, sinh năm 1995 (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

1, Anh Nguyễn Huy S, sinh năm 1999 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2, Anh Nguyễn Hữu Thiên A, sinh năm 1997 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3, Anh Nguyễn Bá T4, sinh năm 1967 (*vắng mặt*)

4, Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 2001 (*vắng mặt*)

Đều có địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

5, Chị Phạm Thị T5, sinh năm 1999 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Kim Đào, thị trấn Thừa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa xác định các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Mộng Ch quản lý 06 nhân viên phục vụ quán hát karaoke gồm: Phạm Thị T5 (tên thường gọi là Tr); Nguyễn Thanh H (tên thường gọi là Th); Trương Bảo N; Phạm Thị Tuyết Nh; Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Phương Th. Ch thuê phòng trọ của gia đình bà Đặng Thị T6, sinh năm 1954, ở thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng cho 06 nhân viên ăn, ở và sinh hoạt tại đó. Ch có thuê Nguyễn Huy S (tên thường gọi là S) và Nguyễn Xuân T làm thuê cho Ch với nhiệm vụ chở những nhân viên này đến phục vụ cho các quán karaoke khi có khách gọi, hát xong thì lại chở số nhân viên này đi về.

Khoảng 22 giờ ngày 11/3/2019, Phạm Văn H, Đào Duy T và Trần Xuân H1 hát Karaoke tại quán Sông Hương ở tổ 7, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng do ông Th là chủ. Quá trình hát H, H1, T có nhu cầu sử dụng ma túy nên Hòa nhắn tin qua Facebook cho T5 (là nhân viên bấm bài) nhờ mua hộ ma túy tổng hợp, T5 đang ở phòng trọ cùng với S và Nguyễn Xuân T. Vì nghĩ S có thể mua được ma túy cho H1 nên T5 đã nhắn tin cho H1 số điện thoại của S là 0974219952 và bảo S: “*tý có người gọi điện cho anh nhờ việc gì đấy*”. Lúc sau H1 dùng số điện thoại 0369899753 gọi điện cho S nhờ mua hộ 05 viên ma túy tổng hợp, S tắt máy rồi nói với Nguyễn Xuân T: “*Bọn hay gọi nhân viên nữ nhà mình nhờ mua 5 viên kẹo*”, (T hiểu ý S nói có người nhờ mua 5 viên ma túy tổng hợp) nên T bảo S ra lấy 2.500.000 đồng về để T đi lấy hộ. Sang chở H ra quán karaoke Sông Hương, H1 đưa cho S 2.500.000 đồng (tiền của H1), S cầm tiền về đưa cho T, T thuê xe tắc xi đi lên thành phố Thái Bình mua hộ ma túy, đến ngã tư Gia Lễ thì Ch gọi điện hỏi T đang ở đâu, T nói đang đi lấy đồ

cho khách, Ch bảo T quay về nhà C1. Khi về đến nhà C1, T gặp Ch, C1, Phạm Xuân C và Nguyễn Văn D. Tại đây T nói lại sự việc H1 nhờ mua ma túy nhưng T không nói đã nhận của H1 2.500.000 đồng. Sau khi nghe T kể, Ch hỏi T: *“Bọn nhờ mua đồ là bọn nào”*, T trả lời: *“Bọn này hay đi hát cùng con Tr”*. Thấy vậy C nói: *“Chúng mày ngu thế, mua cho chúng nó làm gì, có được gì đâu, nhờ chúng nó là dịch của Công an thì sao”*. Ch gọi điện thoại cho Tr hỏi lại nội dung sự việc trên và dặn: *“Nếu bọn nó có gọi lấy đồ thì bảo bọn nó anh T đi lấy đồ bị Công an đuổi vất đồ đi rồi, đang phải trốn trong nhà dân”*. Sau đó S gọi điện cho Ch nói: *“Bọn nó vẫn đang hỏi đã lấy được ma túy chưa”*, Ch bảo S chở Ch ra quán karaoke Sông Hương và nói với C, Công, D và T: *“Giờ ra quán hát đánh cho chúng nó một trận can tội dịch”*. Cả nhóm đến quán Sông Hương và gọi H1, H ra nói chuyện. Ch hỏi H và H1 về việc ai là người gọi điện nhờ mua ma túy nhưng cả hai đều không nhận thì Ch dùng tay tát H một phát vào mặt, ông Th chủ quán đuổi các đối tượng ra ngoài Ch tiếp tục hỏi H về việc ai nhờ mua ma túy nhưng H vẫn không nhận, do bức tức nên Ch dùng tay tát, dùng chân đánh vào người H. Lúc này, C bá vai Hi và nói: *“Thằng em tao đi lấy đồ cho chúng mày bị bắt, bây giờ anh em tìm phương án giải quyết”*. Ch đã gọi 01 xe taxi đến và bảo C1 và C lên ngồi cùng H, H1 và Đào Duy T về phòng trọ của Ch thuê ở thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, còn Nguyễn Xuân T, S và Nguyễn Hữu Thiên A đi xe mô tô về phòng trọ, Ch và D đi 01 xe mô tô cùng xe ô tô. Khi về đến phòng trọ Nguyễn Xuân T ở lại còn Sang và Nguyễn Hữu Thiên A tiếp tục ra quán ăn đêm với nhóm nhân viên nữ.

Đến phòng trọ của Ch, C bảo tất cả vào trong phòng trọ ngồi, Ch bảo D kéo cửa, cài then lại mục đích để tránh không cho ai biết. H, H1 và Đào Duy T đi vào ngồi ở ghế gian phòng khách giáp tường phía ngoài; C, C1 và Nguyễn Xuân T ngồi ở ghế đối diện cách một chiếc bàn, D ngồi ở ghế đôn giữa bàn, còn Ch đi lại trong phòng trọ rồi ra đứng phía sau các bị hại. Lúc này C nói lại với H, H1 và Đào Duy T: *“Thằng em của tao đi lấy đồ cho chúng mày bị Công an bắt bây giờ chúng mày tính sao”*; H1 hỏi lại C: *“Thế bây giờ tình hình như thế nào hả anh”*, thì C hỏi Ch: *“Tình hình như thế nào hả em, họ đòi bao nhiêu”*. Ch hiểu ý C đang nài ra việc người đi mua ma túy hộ nhóm của H1 bị Công an bắt, Ch đã giả vờ đi xuống phía dưới phòng trọ gọi điện thoại khoảng 2 phút sau Ch đi lên nói với C: *“Họ đòi 15 triệu, nửa tiếng phải có thì thả người ra”*. C1 nói: *“Tao mà biết chúng mày dịch vụ này chúng mày chết với tao”*, Nguyễn Xuân T nói: *“Nếu không có tiền thì đưa một trong ba thằng chúng mày vào thay cho em tao ra”*, D nói: *“Tối nay mà không có 15 triệu mai phải lên tới 30 đến 40 triệu”*. Sau đó C tiếp tục nói: *“Giờ có vay mượn được ở đâu không”*. Do bị nhóm của Ch đưa vào trong phòng trọ đóng cửa, đe dọa nên

H1 nói: “*Muộn rồi bọn em không vay mượn ở đâu được, các anh có cho bọn em vay*”, thì C nói: “*Tiền của anh là tiền làm ăn không để lâu được, nếu một tuần trả anh thì anh cho vay, giờ bọn em có bao nhiêu tiền rồi*”. H1, H, Đào Duy T1 bàn bạc với nhau sau đó H bỏ ra 2.500.000 đồng, H1 bỏ ra 1.500.000 đồng rồi bảo C: “*Bọn em có 4 triệu còn lại anh cho bọn em vay*” rồi H1 để 4.000.000 đồng trên mặt bàn. C bảo D lấy 11.000.000 đồng tiền của C nhờ D cầm hộ đưa cho nhóm H1 vay, D đếm tiền đưa C rồi C cầm cả số tiền 15.000.000 đồng đưa cho Ch và bảo: “*Em cầm lấy đi lo cho thằng em ra*”. C bảo Ch đưa cho nhóm H1 ít tiền để về thì Ch nói để Ch gọi taxi đi về cùng. Trước khi cho H1, H, Đào Duy T về, C bảo D chụp ảnh lại mục đích để nhớ mặt đòi tiền, D chưa kịp chụp thì Nguyễn Xuân T tiếp tục nhắc D chụp ảnh nhóm H1 lại. D yêu cầu H1, H, Đào Duy T đứng thành hàng ngang và dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh lại, còn Ch lấy số điện thoại di động của H mục đích để gọi đòi 11.000.000 đồng vay của C. Sau đó Ch, C đi taxi đưa H, H1, Đào Duy T1 về quán karaoke Sông Hương rồi tắt cả lại về nhà C1. Tại nhà C1, Ch trả lại cho C số tiền 11.000.000 đồng, số tiền 4.000.000 đồng chiếm đoạt của các bị hại Ch chia đều cho Ch, Nguyễn Xuân T, D, C1 mỗi người 1.000.000 đồng còn C, Ch nói khi nhóm H1 trả 11.000.000 đồng sẽ chia cho C và tiếp tục chia cho những người còn lại.

Khoảng gần 20 giờ ngày 13/3/2019, Ch gọi điện thoại cho H nói phải đưa cho Ch một ít tiền, H đồng ý và hẹn Ch đến quán nước đối diện quán karaoke Sông Hương để đưa tiền, Ch gọi điện thoại bảo Nguyễn Xuân T đến nhà đón Ch đi lấy tiền. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17F5-5601 đến đón và chở Ch ra gặp H. Gặp nhau, H nói với Ch và T: “*Hôm nay em chỉ xoay được hai triệu, số tiền còn lại các anh cho em nợ sang tuần em trả*”. Ch không đồng ý và nói: “*Anh C cho chúng mày vay không lấy lãi, cuối tuần phải trả*”. Sau đó H đưa cho Ch 2.000.000 đồng, Ch nhận tiền rồi đưa lại cho T ngay sau đó bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Cơ quan Công an đã quản lý của Ch 01 xe mô tô biển kiểm soát 17F5-5601, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, 405.000 đồng; quản lý của Nguyễn Xuân T 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 5s màu đen xám, 5.110.000 đồng trong đó có 2.000.000 đồng vừa nhận của Hiếu.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng Nguyễn Xuân T nhận của Sang để đi mua ma túy cho H1. Khi T đi đến ngã tư Gia Lễ thì Ch gọi điện bảo về nhà C1 nên T không đi mua hộ ma túy nữa, số tiền này sau khi biết mục đích của C và Ch là đe dọa để phạt tiền nhóm của H1, T nghĩ C, Ch đe dọa thì H1 cũng không dám đòi lại số tiền này nữa. Ý định của T là khi nào lấy được 11.000.000 đồng từ nhóm

của H1 sẽ nói cho Ch, C1, C, D biết và gộp vào chia đều cho mọi người nhưng T chưa nói cho mọi người biết.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 42/CT-VKSĐH ngày 28/6/2019; hành vi của các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử, phạt bị cáo Nguyễn Mộng Ch từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân C từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng C1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65; Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Xuân T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng đến 03 năm; giao bị cáo cho chính quyền địa phương xã N, huyện Đông Hưng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm đến 02 năm 06 tháng; giao bị cáo cho chính quyền địa phương xã Đ, huyện Đông Hưng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại, gia đình bị hại đã tự thỏa thuận, giải quyết xong nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí.

Các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật cho bị cáo được hưởng án treo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Trọng C1, Phạm Xuân C, Nguyễn Văn D đã nài ra lý do việc các anh Trần Xuân H1, Phạm Văn H và Đào Duy T1 nhờ người trong nhóm của Ch đi mua ma túy hộ và bị Công an bắt sau đó có hành vi đưa các anh H1, H và Đào Duy T1 về trong phòng trọ của Ch ở thôn N, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đóng cửa đe dọa, nhằm chiếm đoạt của các anh H1, H, Đào Duy T1 số tiền 15.000.000 đồng và các bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Xuân T còn cưỡng đoạt của anh H1 2.500.000 đồng là tiền anh H1 gửi T mua hộ ma túy trước đó.

[2.1] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đủ yếu tố cấu thành tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

“Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản

1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

.....”.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo C là người nài ra việc có người em đi mua ma túy hộ nhóm anh H1 bị công an bắt và yêu cầu nhóm anh H1 phải đưa tiền để xin cho người em đó ra, có lời nói đe dọa các bị hại và là người cho các bị hại vay tiền để sau đó sẽ yêu cầu các bị hại trả số tiền đó; Bị cáo Ch là người tiếp nhận ý chí của C, là người gọi xe đưa các bị hại về phòng trọ, là người đưa ra khoản tiền 15.000.000 đồng, là người cầm số tiền 4.000.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại chia cho D, Ch, T, C1 mỗi người 1 triệu; tối ngày 13/3/2019 Ch đã gọi điện cho anh H yêu cầu anh H trả tiền đã vay của C. Do đó bị cáo C và Ch giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T là người nhận 2.500.000 để đi mua ma túy cho H1 và một mình chiếm đoạt số tiền đó, có lời nói đe dọa các bị hại và được chia 1 triệu đồng nên bị cáo T giữ vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo C1 và D: Tại phòng trọ cũng có lời nói đe dọa các bị hại và được chia 1 triệu đồng nên 2 bị cáo giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Khi xem xét, cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với các bị cáo Phạm Xuân C, Nguyễn Mộng Ch không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; Các bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Bị cáo C sau khi phạm tội đến Công an huyện Đông Hưng đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ch, C là những người giữ vai trò đầu, bị cáo C có nhân thân xấu áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo Ch và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Trọng C1, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; Các bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Bị cáo D có thời gian tham gia quân đội; Bị cáo C1 và bị cáo D sau khi phạm tội

đến Công an huyện Đông Hưng đầu thú nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa là phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng C1 trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

[2.3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1.

[3] Trong vụ án:

- Hành vi của các bị cáo thuê xe đưa các bị hại về phòng trọ đóng cửa và có lời nói đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên các bị cáo không phạm tội: *“Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật”*.

- Đối với Nguyễn Huy S: Là người nhận của anh H1 số tiền 2.500.000 đồng về đưa cho T mua ma túy hộ vì S nghĩ T có mối quan hệ rộng có thể mua được và là người chủ nhóm của Ch ra quán karaoke Sông Hương tìm nhóm của H1 song khi S đến đón Ch, S không biết các bị cáo có ý định ra đánh nhóm H1. Tại quán karaoke Sông Hương, S không biết việc C và Ch bàn nhau đưa các bị hại về phòng trọ phạt tiền. S và Nguyễn Hữu Thiên A đưa T về phòng trọ sau đó ra quán ăn đêm với nhân viên nữ. Trong lúc các bị cáo đe dọa yêu cầu các bị hại đưa tiền, Ch có gọi S về phòng trọ để lấy số điện thoại của nhân viên nữ, S có về, không vào phòng trọ sau đó tiếp tục ra quán ăn đêm cùng mọi người nên không biết việc các bị cáo đe dọa các bị hại yêu cầu đưa tiền, không được chia tiền từ số tiền các bị cáo chiếm đoạt nên không có căn cứ xử lý S là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Hữu Thiên A: Khi Ch gọi S về nhà C1 để chở Ch ra quán Sông Hương, do S không có xe nên đã nhờ Nguyễn Hữu Thiên A chở Sang đến chỗ Ch, Nguyễn Hữu Thiên A không biết việc các bị cáo đe dọa chiếm đoạt tiền của các bị hại nên không có căn cứ xử lý Nguyễn Hữu Thiên A là phù hợp.

- Đối với Phạm Thị T5 là nhân viên phục vụ quán hát được H1 nhờ mua hộ ma túy, T5 đã cho H1 số của S để H1 nhờ S mua hộ ma túy. Tuy nhiên việc mua ma túy chưa thực hiện được nên không có căn cứ để xử lý T5.

- Đối với H, H1, Đào Duy T1 là người nhờ mua hộ ma túy để sử dụng song việc mua ma túy hộ chưa thực hiện được nên không có căn cứ để xử lý H, H1 và Đào Duy T1.

- Chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn D dùng để chụp ảnh các bị hại, D đã làm mất nên Cơ quan điều tra không quản lý được.

- Nguyễn Mộng Ch có hành vi T tay đánh H, H không bị thương tích và không đề nghị gì nên Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 31/5/2019 các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 đã tự thỏa thuận, bồi thường 4.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt và bồi thường tổn thất tinh thần cho các bị hại số tiền 4.000.000 đồng, các bị hại đã nhận đủ, không có ý kiến gì và không yêu cầu giải quyết.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Loncin, Wife, sơn màu xanh, biển kiểm sát 17F5-5601 qua xác minh là xe của chị Phạm Thị Ánh T3 (vợ Ch) mua của ông Phạm Văn R, sinh năm 1959, ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, Ch có lấy xe đi, chị T3 không biết Ch sử dụng xe đi để cưỡng đoạt tài sản nên cần trả lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị Ánh T3 là phù hợp.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Mộng Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh và 405.000 đồng.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen xám bị cáo T không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T số tiền 610.000đồng, do T và các bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại.

- Trả lại cho anh Trần Xuân H1 số tiền 2.500.000đồng.

- Trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền 2.000.000đồng.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Các bị cáo; Các bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 phạm tội: "*Cưỡng đoạt tài sản*".

2. Áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt **Phạm Xuân C 01 (một)** năm **09 (chín)** tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Mộng Ch 01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ từ 13/3/2019 đến 22/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Trọng C1 01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2019 (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 05/4/2019 đến ngày 11/4/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Xuân T 01 (năm) 03 (ba)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2019). Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt **Nguyễn Văn D 01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02 (hai)** năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2019). Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T và Nguyễn Văn D được hưởng án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận ngày 31/5/2019 các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D thay mặt bị cáo Nguyễn Trọng C1 đã tự thỏa thuận, bồi thường 4.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt và bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 4.000.000 đồng cho các bị hại, các bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại đã nhận đủ, không có ý kiến gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị Phạm Thị Ánh T3, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (vợ của bị cáo Nguyễn Mộng Ch) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Loncin, Wife, sơn màu xanh, biển kiểm sát 17F5-5601.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Mộng Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh và 405.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đen xám và số tiền 610.000đồng.

- Trả lại cho anh Phạm Văn H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 2.000.000đồng.

- Trả lại cho anh Trần Xuân H1, sinh ngày 05/11/2002; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 2.500.000đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Mộng Ch, Phạm Xuân C, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Văn D và Nguyễn Trọng C1; Bị hại anh Trần Xuân H1 và đại diện cho anh H1 là bà Phạm Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các anh Phạm Văn H; anh Đào Duy T và chị Phạm Thị Ánh T3 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Chi cục THADS Đông Hưng;
- Các bị cáo; Các bị hại;
- Đại diện HP của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành